

Số: **25** /2022/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **12** tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô công;

Thực hiện Thông báo số 389-TB/TU ngày 27/6/2022 của Tỉnh ủy Lai Châu về Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 24 tháng 6 năm 2022;

Sau khi thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 337/HĐND-KTNS ngày 09/8/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu, trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và giao dự toán ngân sách; giao, mua sắm, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng, sắp xếp và xử lý xe ô tô theo quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô chuyên dùng thực hiện chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật về tài sản công đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, nhiệm vụ đặc thù của ngành, lĩnh vực để phục vụ công tác theo quy định.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị khi được thành lập mới hoặc phát sinh thêm chức năng, nhiệm vụ có nhu cầu sử dụng xe ô tô chuyên dùng ngoài quy định tại Quyết định này thì cơ quan chủ quản có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập có tên trong Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thì người đứng đầu đơn vị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) tại đơn vị và dừng việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này.

3. Chủng loại và mức giá xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này. Mức giá xe ô tô là giá tối đa đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2022.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định:

a) Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành quy định về chủng loại, số lượng và quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý;

b) Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung Điều 2 quy định kèm theo Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành quy định về chủng loại, số lượng và quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính thực hiện rà soát, sắp xếp, quản lý xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này; công khai, quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư Pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Như Điều 6;
- Báo Lai Châu, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



TIÊU CHUẨN VÀ MỨC SỬ DỤNG XE CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số: 25 /2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Lai Châu)

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Số lượng xe ô tô
	Tổng		72
1	Văn phòng UBND tỉnh	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô bán tải	2
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		5
a)	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô tải	3
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1
b)	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		16
a)	Văn phòng Sở	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng	1
b)	Chi Cục phát triển nông thôn	Xe ô tô bán tải	1
c)	Chi cục Thủy lợi	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng	1
d)	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Xe ô tô bán tải	1
đ)	Chi Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Xe ô tô bán tải	1
e)	Quỹ bảo vệ phát triển rừng	Xe ô tô bán tải	1
g)	Chi cục Kiểm lâm	Xe ô tô bán tải	2
h)	Hạt kiểm lâm các huyện thành phố	Xe ô tô bán tải	1xe/1 đơn vị
4	Sở Giao thông vận tải		7
a)	Thanh tra giao thông	Xe ô tô bán tải, xe ô tô tải, xe thanh tra giao thông	5
		Xe ô tô chở thiết bị cân lưu động	1

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Số lượng xe ô tô
b)	Ban Quản lý dự án và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông	Xe ô tô bán tải	1
5	Sở Xây dựng		1
	Trung tâm giám định chất lượng xây dựng	Xe ô tô bán tải	1
6	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	Xe phát thanh truyền hình lưu động, xe ô tô bán tải	2
7	Sở Tài nguyên và Môi trường		2
a)	Văn phòng đăng ký đất đai	Xe ô tô bán tải	1
b)	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên	Xe ô tô bán tải	1
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		3
a)	Trung tâm điều trị cai nghiện bắt buộc	Xe ô tô bán tải	1
b)	Trung tâm đón tiếp thân nhân liệt sĩ và Điều dưỡng người có công với cách mạng	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1
c)	Trung tâm bảo trợ xã hội	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1
9	Sở Giáo dục và Đào tạo		1
	Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1
10	Sở Khoa học và Công nghệ		1
	Chi Cục tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Xe ô tô bán tải	1
11	Hội Nông dân tỉnh Lai Châu		1
	Trung tâm Hỗ trợ nông dân tỉnh	Xe ô tô bán tải	1
12	Ban An toàn giao thông tỉnh	Xe ô tô bán tải	1
13	UBND Thành phố Lai Châu		6
a)	Phòng Quản lý đô thị; Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông thành phố	Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô tải	5
b)	Ban Quản lý dự án thành phố	Xe ô tô bán tải	1
14	UBND huyện Nậm Nhùn		4

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Số lượng xe ô tô
a)	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông; Ban Quản lý rừng phòng hộ, Văn phòng HĐND&UBND huyện	Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô tải	3
b)	Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn	Xe ô tô bán tải	1
15	UBND huyện Phong Thổ		3
	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông; Ban Quản lý rừng phòng hộ, Văn phòng HĐND&UBND huyện	Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô tải	3
16	UBND huyện Tân Uyên		3
	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông; Ban Quản lý rừng phòng hộ, Văn phòng HĐND&UBND huyện	Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô tải	3
17	UBND huyện Tam Đường		4
a)	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông; Ban Quản lý rừng phòng hộ, Văn phòng HĐND&UBND huyện	Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô tải	3
b)	Ban Quản lý dự án huyện Tam Đường	Xe ô tô bán tải	1
18	UBND huyện Than Uyên		3
	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông; Ban Quản lý rừng phòng hộ, Văn phòng HĐND&UBND huyện	Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô tải	3
19	UBND huyện Sìn Hồ		3
	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông; Ban Quản lý rừng phòng hộ, Văn phòng HĐND&UBND huyện	Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô tải	3
20	UBND huyện Mường Tè		4
a)	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông; Ban Quản lý rừng phòng hộ, Văn phòng HĐND&UBND huyện	Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô tải	3
b)	Ban Quản lý công trình dự án phát triển kinh tế - Xã hội huyện Mường Tè	Xe ô tô bán tải	1

MỨC GIÁ XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số 25 /2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Lai Châu)

Stt	Chủng loại xe ô tô	Mức giá xe ô tô/xe (đồng)
1	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng	1.100.000.000
2	Xe ô tô tải	350.000.000
3	Xe ô tô bán tải	720.000.000
4	Xe ô tô chở thiết bị cân lưu động	Căn cứ theo nhu cầu sử dụng và giá xe ô tô trên thị trường tại thời điểm mua sắm, tiếp nhận
5	Xe phát thanh truyền hình lưu động	
6	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	